

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HC-ST

Ngày: 24-3-2022

*V/v khiếu kiện hành vi hành chính
xác nhận hồ sơ tách thửa đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Kiệm

2. Ông Nguyễn Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLST-HC ngày 03 tháng 11 năm 2021 về khiếu kiện hành vi hành chính xác nhận hồ sơ tách thửa đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HC ngày 02 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị N; địa chỉ: Khu dân cư X, thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thanh L; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 03/8/2021). Có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân xã Đ; địa chỉ: Xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh Q - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ (theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022). Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh huyện M; địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Văn P - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh huyện M (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2021, các biên bản đối thoại ngày 01/9/2021, 14/01/2022, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là của ông Nguyễn Mô (là ông nội của ông Nguyễn Q1) khai hoang và quản lý, sử dụng từ trước năm 1975. Sau đó để lại cho vợ chồng ông Q1 sử dụng. Ngày 15/11/2004 Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên cho hộ ông Nguyễn Đức Q1 (còn có tên gọi khác là Nguyễn Q1), trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi diện tích đất là 720m², nhưng hiện trạng sử dụng thực tế là 1.464m². Sau khi ông Q1 chết, thửa đất số 638 nêu trên được thừa kế lại cho bà Nguyễn Thị N, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M chỉnh lý biến động trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho bà N. Sau đó, bà N lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân huyện M cho tách thửa đất số 638 nêu trên. Tuy nhiên, khi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ kiểm tra ranh giới, mốc giới thửa đất thì Ủy ban nhân dân xã Đ cho rằng diện tích đất mà Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp cho ông Nguyễn Q1, bà Nguyễn Thị N theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 713006 ngày 04/8/2006 đã đo bao trùm diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý nên không thống nhất cho bà N được tách thửa đất. Do đó, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M đã trả hồ sơ đề nghị tách thửa đất cho bà N.

Hành vi nêu trên của Ủy ban nhân dân xã Đ đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị N nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc không ký xác nhận hồ sơ cho bà để bà thực hiện thủ tục tách thửa là trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân xã Đ phải ký xác nhận vào biên bản tách thửa cho bà để bà thực hiện quyền tách thửa đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.464m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 27/11/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc ký xác nhận hồ sơ thực hiện thủ tục tách thửa cho bà với những nội dung đã xác nhận là trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân xã Đ phải ký xác nhận vào biên bản tách thửa để bà thực hiện quyền tách thửa đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.464m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật khi bà có yêu cầu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2021; các biên bản đối thoại ngày 01/9/2021, 14/01/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Căn cứ theo bản đồ 299/TTg mà Ủy ban nhân dân xã Đ đang lưu trữ thể hiện: Nguyên thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi (do Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 713006 ngày 04/8/2006 cho ông Nguyễn Q1, bà Nguyễn Thị N) và phần diện tích đất phía Tây, phía Nam của thửa đất số 638 đều là đất nghĩa địa do Ủy ban nhân dân xã Đ

quản lý.

Ngày 15/11/2004 Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cho hộ ông Nguyễn Đức Q1, diện tích $720m^2$, có cạnh phía Bắc và phía Nam là 24m, cạnh phía Tây và phía Đông là 30m.

Đến năm 2005, thực hiện dự án đa dạng hóa nông nghiệp phát triển nông thôn, đo đạc cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Đức Minh, ông Nguyễn Q1, bà Nguyễn Thị N đi kê khai cấp đổi tại thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích $1.464m^2$ đo bao trùm diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý, tăng diện tích so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Q1 năm 2004 là $744m^2$.

Sau khi ông Nguyễn Q1 chết, thửa đất số 638 nêu trên được thừa kế lại cho bà Nguyễn Thị N, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M chỉnh lý biến động trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho bà Nguyễn Thị N. Sau đó, bà N lập hồ sơ đề nghị tách thửa đất số 638 nêu trên. Ngày 28/9/2020, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ kiểm tra ranh giới, mốc giới thửa đất. Qua kiểm tra hiện trạng thửa đất, ranh giới thửa đất đã được hai chủ liên kế xây dựng hàng rào. Tại buổi kiểm tra, địa chính xã Đức Minh đề nghị cắt phần đất đường đi ở cạnh phía Tây thửa đất. Tuy nhiên, chủ sử dụng không thống nhất việc phía Tây thửa đất có đường đi. Ngày 26/11/2020, Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận vào bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất với nội dung: “Đất bà Nguyễn Thị N hiện nay đo bao trùm đất UBND xã quản lý nên diện tích và hình thể sai so với GCN đã cấp cho bà theo GCNQSD đất”.

Ngoài việc xác nhận vào bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 28/9/2020 thì Ủy ban nhân dân xã Đ không được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M yêu cầu xác nhận vào biên bản nào khác.

Việc bà Nguyễn Thị N khiếu kiện yêu cầu Tòa án tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc ký xác nhận hồ sơ thực hiện thủ tục tách thửa cho bà với những nội dung đã xác nhận là trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân xã Đ phải ký xác nhận vào biên bản tách thửa cho bà để bà thực hiện quyền tách thửa đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, diện tích $1.464m^2$, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi thì Ủy ban nhân dân xã Đ không đồng ý vì: Năm 2005, thực hiện dự án đa dạng hóa nông nghiệp phát triển nông thôn, đo đạc cấp mới, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân trên địa bàn xã Đức Minh, lúc đó ông Nguyễn Q1, bà Nguyễn Thị N đi kê khai cấp đổi tại thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, kê khai diện tích đất $1.464m^2$ trong đó bao trùm cả phần diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã Đ quản lý nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Q1, bà N năm 2006 là cấp sai diện tích, sai giới cận.

Tại văn bản số 236/CV-CNHMD ngày 17/8/2021, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh huyện M trình bày:

Thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, diện tích đất 1.464m² được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AE 713006, số vào sổ H.03384 ngày 04/8/2006 cho vợ chồng ông Nguyễn Q1, bà Nguyễn Thị N. Năm 2016 ông Q1 chết, thửa đất trên được thừa kế lại cho bà Nguyễn Thị N, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M chỉnh lý biến động tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 04/8/2006 sang chủ sử dụng đất mới là bà Nguyễn Thị N vào ngày 16/4/2019.

Năm 2020 bà N lập hồ sơ tách thửa đất nêu trên thành 02 thửa. Sau khi tiếp nhận hồ sơ xin tách thửa của bà N, ngày 28/9/2020 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ và chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị N tổ chức kiểm tra hiện trường. Qua kiểm tra hiện trạng thửa đất, ranh giới thửa đất có thay đổi so với giấy chứng nhận đã cấp. Vì vậy, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M đã chuyển bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất được lập ngày 28/9/2020 để xác nhận nguyên nhân hình thể và diện tích thửa đất có thay đổi.

Ngày 26/11/2020, Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận vào bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất với nội dung: “Đất bà Nguyễn Thị N hiện nay đo trùm đất UBND xã quản lý nên diện tích và hình thể sai so với giấy chứng nhận đã cấp cho bà theo Giấy CN-QSD đất”. Từ những lý do trên, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M không đủ cơ sở trích lục thửa đất và tham mưu tách thửa theo quy định. Vì vậy, ngày 18/12/2020 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M ban hành thông báo số 104/TB-CNMĐ về việc trả hồ sơ không giải quyết đối với hồ sơ tách thửa của bà Nguyễn Thị N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng quy định tại các điều 55, 56, 57, 58 và 60 của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Tuyên bố hành vi xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 28/9/2020 với nội dung “Đất bà Nguyễn Thị N hiện nay đo bao trùm đất Ủy ban nhân dân xã quản lý nên diện tích và hình thể sai so với giấy chứng nhận đã cấp cho bà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ phải xác nhận hồ sơ tách thửa đất đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.464m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đúng theo quy định của Luật đất đai năm 2013 khi có yêu cầu. Ủy ban nhân dân xã Đ phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 28/9/2020, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ kiểm tra ranh giới, mốc giới thửa đất. Tại buổi kiểm tra, địa chính xã Đức Minh đề nghị cắt phần đất đường đi ở cạnh phía Tây thửa đất nên bà Nguyễn Thị N không thống nhất. Đến ngày 26/11/2020, Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận vào bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất với nội dung: “Đất bà Nguyễn Thị N hiện nay đo bao trùm đất Ủy ban nhân dân xã quản lý nên diện tích và hình thể sai so với giấy chứng nhận đã cấp cho bà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Hành vi xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ là hành vi hành chính bị khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Luật tố tụng hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật tố tụng hành chính. Hành vi hành chính nêu trên là của cơ quan hành chính nhà nước cấp xã trên phạm vi địa giới hành chính với Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Bà Nguyễn Thị N khiếu kiện đối với hành vi xác nhận hồ sơ tách thửa đất của Ủy ban nhân dân xã Đ. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là khiếu kiện hành vi hành chính xác nhận hồ sơ tách thửa đất.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/11/2020, Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận vào bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất”; đến ngày 18/12/2020 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M có thông báo số 104/TB-CNMD trả hồ sơ đề nghị tách thửa đất của bà N. Ngày 30/6/2021 bà N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức để khiếu kiện đối với hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã Đ là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[1.4] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trong đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc không ký xác nhận hồ sơ để bà thực hiện thủ tục tách thửa là trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân xã Đ phải ký xác nhận vào biên bản tách thửa để bà thực hiện quyền tách thửa đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.464m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc ký xác nhận hồ sơ thực hiện thủ tục tách thửa cho bà với những nội dung đã xác nhận là trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân xã Đ phải ký xác nhận vào biên bản tách thửa để bà thực hiện quyền tách thửa đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.464m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật. Việc người khởi kiện thay đổi yêu cầu khởi kiện như trên là tự nguyện và thời hiệu khởi kiện đối với hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân xã Đ vẫn còn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.464m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc do cụ Nguyễn Mô (là ông nội của ông Nguyễn Q1) quản lý, sử dụng từ trước năm 1975, sau đó cụ Mô để lại thửa đất trên cho ông Q1 quản lý, sử dụng. Ngày 15/11/2004 Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho hộ ông Nguyễn Đức Q1, diện tích 720m². Ngày 04/8/2006 Ủy ban nhân dân huyện M cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 713006 cho ông Nguyễn Q1, bà Nguyễn Thị N đối với thửa đất nêu trên, diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.464m², tăng 744m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2004 (tại Công văn số 1080/UBND-NC ngày 19/8/2021, Ủy ban nhân dân huyện M xác định diện tích đất tăng như trên là do cấp theo hiện trạng sử dụng đất thực tế của ông Q1, bà N).

[2.3] Trong quá trình gia đình ông Q1, bà N sử dụng thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12 nêu trên, cũng như từ khi ông Q1, bà N được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006 đến trước thời điểm bà N làm thủ tục tách thửa đất thì Ủy ban nhân dân xã Đ không có tranh chấp, kiến nghị gì về diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện M đã cấp đổi cho ông Q1, bà N vào năm 2006. Sau khi ông Q1 chết, những người thừa kế của ông Q1 đã làm thủ tục để thừa kế thửa đất số 638 nêu trên cho bà Nguyễn Thị N và ngày 16/4/2019 Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M đã chỉnh lý biên động trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho bà Nguyễn Thị N.

[2.4] Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 713006 ngày 04/8/2006 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp đổi cho ông Nguyễn Q1, bà Nguyễn Thị N (đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M chỉnh lý biên động trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho bà Nguyễn Thị N) vẫn đang có hiệu lực, chưa bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân xã Đ cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 713006 ngày 04/8/2006 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp đổi cho ông Nguyễn Q1, bà Nguyễn Thị N là trái pháp luật.

[2.5] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/12/2021 thể hiện: Phía Đông của thửa đất số 638 giáp nhà, đất của ông Đinh Minh Phong; phía Tây của thửa đất số 638 giáp nhà, đất của ông Nguyễn Viết (Biết) và hiện nay không có đường đi nào trên thửa đất số 638 của bà Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, khi Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, chi nhánh huyện M phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ kiểm tra thực địa thửa đất để làm thủ tục tách thửa đất cho bà Nguyễn Thị N thì địa chính xã Đức Minh lại đề nghị cắt phần đất đường đi ở cạnh phía Tây thửa đất số 638 của bà N; đến ngày 26/11/2020 Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận *“Đất bà Nguyễn Thị N hiện nay đo bao trùm đất Ủy ban nhân dân xã quản lý nên diện tích và hình thể sai so với giấy chứng nhận đã cấp cho bà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”* là không có căn cứ, gây ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất của bà N theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

[2.5] Hành vi xác nhận những nội dung nêu trên của Ủy ban nhân dân xã Đ là trái pháp luật. Do đó, bà Nguyễn Thị N yêu cầu tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân

xã Đ về việc xác nhận hồ sơ tách thửa cho bà với nội dung đã xác nhận như trên là trái pháp luật; buộc Ủy ban nhân dân xã Đ phải xác nhận hồ sơ tách thửa cho bà theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013 khi có yêu cầu là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Ủy ban nhân dân xã Đ phải chịu 2.000.000đồng (hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên Ủy ban nhân dân xã Đ phải hoàn trả lại cho bà N 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

[4] Về án phí: Ủy ban nhân dân xã Đ phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bà N đã nộp.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, điểm c khoản 2 Điều 193, các điều 194, 204, 206, 29, khoản 1 Điều 348, các điều 356, 358, 359 của Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 75 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Tuyên bố hành vi xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ tại bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 28/9/2020 với nội dung “*Đất bà Nguyễn Thị N hiện nay đo bao trùm đất Ủy ban nhân dân xã quản lý nên diện tích và hình thể sai so với giấy chứng nhận đã cấp cho bà theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là trái pháp luật.

Buộc Ủy ban nhân dân xã Đ phải xác nhận hồ sơ tách thửa đất đối với thửa đất số 638, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.464m², tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của Luật đất đai năm 2013 khi có yêu cầu.

2. Về chi phí tố tụng: Ủy ban nhân dân xã Đ phải chịu 2.000.000đồng (hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng và đã chi xong nên Ủy ban nhân dân xã Đ phải hoàn trả lại cho bà N 2.000.000đồng (hai triệu đồng).

3. Về án phí:

Ủy ban nhân dân xã Đ phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005987 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện và người bị kiện có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong